

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/DS-PT

Ngày: 06/02/2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Hoàng Khải;**

Các Thẩm phán:

Ông **Lê Thanh Vân;**

Ông **Võ Ngọc Giàu.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Nhi** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà **Hà Thúy Thảo** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 351/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 210/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 432/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông **Đặng Văn Th** (C), sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện C, Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Trương Văn H**, sinh năm 1970. (vắng mặt)

2.2. Bà **Ngô Thị V**, sinh năm 1975. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H, xã T, huyện C, Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Phan Thị Th**, sinh năm 1981.(xin vắng mặt) bút lục số 24

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện C, Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: bị đơn **Ngô Thị V**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 01/7/2022 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Đặng Văn Th trình bày:

Ông Th có tham gia 03 dây hụi do vợ chồng ông H và bà V làm đầu thảo hụi cụ thể như sau:

+ Dây thứ 01: Hụi 5.000.000 đồng khai ngày 15/5/2015 âm lịch, hụi mùa năm khai 03 lần, gồm 24 phần, ông Th tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi số thứ tự số 06 “Vợ C”, hụi mãn vào năm 2023, đã đóng hụi sống được 17 kỳ với số tiền hụi sống mỗi lần 4.000.000 đồng là 68.000.000 đồng, nếu tính hụi chết số tiền 85.000.000 đồng.

+ Dây thứ 02: Hụi 5.000.000 đồng khai ngày 10/7/2018 âm lịch, hụi năm khai 04 lần, gồm 17 phần, ông Th tham gia 02 phần, tên trong danh sách hụi số thứ tự số 02 “Vợ C”, hụi mãn vào ngày 10/10/2022 âm lịch, đã đóng hụi sống được 10 kỳ với số tiền hụi sống mỗi lần 4.000.000 đồng là 80.000.000 đồng nếu tính hụi chết số tiền 100.000.000 đồng.

+ Dây thứ 03: Hụi 5.000.000 đồng khai ngày 10/4/2017 âm lịch, hụi năm khai 04 lần, gồm 19 phần, ông Th tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi số thứ tự số 17 “Vợ C”, hụi mãn vào ngày 10/01/2022 âm lịch, đã đóng hụi sống được 15 kỳ với số tiền hụi sống mỗi lần 4.000.000 đồng là 60.000.000 đồng, nếu tính hụi chết số tiền 75.000.000 đồng.

Ba dây hụi này ông Th đã đóng tiền hụi sống đến tháng 01/2021 âm lịch thì vợ chồng ông H và bà V tuyên bố bế hụi không khai tiếp, sau đó bà V có trả được 34.000.000 đồng và bà V có đưa 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda CB 125R cho ông Th để bán dùm 25.000.000 đồng để trừ số nợ hụi của ông Th, nhưng do ông Th tìm người bán nhưng không được nên ông Th giao trả lại chiếc xe này cho bà V.

Do đó, nay ông Th yêu cầu vợ chồng ông H và bà V có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền nợ hụi số tiền vốn đã đóng của 03 dây hụi là 208.000.000 đồng trừ đi 34.000.000 đồng bà V trả, hiện còn nợ 174.000.000 đồng yêu cầu trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại tòa ông Th xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông H và bà V liên đới trả số tiền 86.000.000 đồng (Tám mươi sáu triệu đồng).

Tại bản tự khai ngày 28/9/2022 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Ngô Thị V trình bày:

Bà V thừa nhận ông Th có tham gia 03 dây hụi do bà V làm đầu thảo hụi cụ thể như sau:

+ Dây thứ 01: Hụi 5.000.000 đồng khai ngày 15/5/2015 âm lịch, hụi mùa năm khai 03 lần, gồm 24 phần, ông Th tham gia 01 phần, tên trong danh sách

hội số thứ tự số 06 “Vợ C”, hội mẫn vào năm 2023, đã đóng hội sống được 17 kỳ với số tiền hội sống với số tiền **46.700.000 đồng**.

+ Dây thứ 02: Hội 5.000.000 đồng khai ngày 10/7/2018 âm lịch, hội năm khai 04 lần, gồm 17 phần, ông Th tham gia 02 phần, tên trong danh sách hội số thứ tự số 02 “Vợ C”, hội mẫn vào ngày 10/10/2022 âm lịch, đã đóng hội sống được 10 kỳ với số tiền hội sống **62.200.000 đồng**.

+ Dây thứ 03: Hội 5.000.000 đồng khai ngày 10/4/2017 âm lịch, hội năm khai 04 lần, gồm 19 phần, ông Th tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội số thứ tự số 17 “Vợ C”, hội mẫn vào ngày 10/01/2022 âm lịch, đã đóng hội sống được 15 kỳ với số tiền hội sống được **43.250.000 đồng**.

Do các hội viên không đóng hội nên bà V không khai tiếp, sau đó bà V có trả 34.000.000 đồng và có giao chiếc xe mô tô hiệu Honda CB 125R cho ông Th để bán dùm 25.000.000 đồng để trừ số nợ hội của ông Th, nhưng do ông Th không tìm người bán được.

Nay bà V đồng ý trả số tiền vốn của 03 dây hội ông Th đã đóng với số tiền theo yêu cầu của ông Th là 208.000.000 đồng trừ đi 34.000.000 đồng bà V trả, hiện còn nợ 174.000.000 đồng. Nhưng bà V yêu cầu trừ đi chiếc xe đã đưa cho ông Th bán số tiền 25.000.000 đồng, còn lại bà V đồng ý trả cho ông Th 149.000.000 đồng, xin được trả dần cho ông Th.

Còn việc tham gia tổ chức đầu thảo hội chỉ có bà V Tham gia, ông H chồng bà V không cùng tham gia nên ông H không phải chịu trách nhiệm trả số tiền hội này cho ông Th.

Tại bản tự khai ngày 28/9/2022 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trương Văn H trình bày:

Ông H là chồng của bà V việc bà V làm đầu thảo hội ông H không cùng tham gia, ông Th tham gia chơi hội góp tiền hội cho bà V như thế nào thì ông H không biết rõ, nhưng đến khi bề hội nhiều người đến đòi nợ thì ông H mới biết, ông H đã bán tài sản của ông H để trả một phần nợ cho bà V. Nay ông H không đồng ý cùng liên đới với bà V để trả số tiền nợ hội theo yêu cầu của ông Th.

*** Bản án dân sự sơ thẩm số:** 210/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 471, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, 227, 228, 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 18, 22 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ quy định về họ, hội, biểu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Đặng Văn Th về việc không yêu cầu ông Trương Văn H và bà Ngô Thị V có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hui 86.000.000 đồng (Tám mươi sáu triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Th.

Buộc ông Trương Văn H và bà Ngô Thị V có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đặng Văn Th số tiền hui 174.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 15/2022/QĐ-BPKCTT ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 28/9/2022 bị đơn Ngô Thị V có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì ông Đặng Văn Th đã nhiều lần lấy tiền và tài sản của gia đình bà V để trừ tiền góp hui cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bà Ngô Thị V yêu cầu kháng cáo xin ông Th cho bà trả lại số tiền hui ông Th đóng các phần hui là 152.150.000 đồng trừ 34.000.000 đồng bà đã trả và giá trị chiếc xe 25.000.000 đồng còn lại trả 95.150.000 đồng. Nguyên đơn Đặng Văn Th (C) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nhưng đồng ý trừ tiếp tiền giá trị chiếc xe mô tô đã sang tên cho ông là 25.000.000 đồng.

Các đương sự không thỏa thuận được giải quyết tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng đúng luật định.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận định. Tòa sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Th. Buộc bà Ngô Thị V, ông Trương Văn H trả cho ông Đặng Văn Th 174.000.000 đồng tiền nợ hui là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông Th đồng ý trừ chiếc xe mô tô cho bà V 25.000.000 đồng. Do đó đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà V. Áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Nghe các đương sự

trình bày, tranh luận. Ý kiến phát biểu nhận xét và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát. Xét thấy:

[1] Bị đơn Ngô Thị V thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và đúng các quy định tại điều 271, 272, 273, 276 của BLTTDS nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn Trương Văn H đã được triệu tập dự phiên toà lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do, còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị Thuý có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 và khoản 3 Điều 296 BLTTDS tiến hành xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Đặng Văn Th (C) khởi kiện yêu cầu bị đơn Trương Văn H, Ngô Thị V trả lại tiền hui mà ông tham gia 3 dây hui do ông H, bà V làm chủ hui vào các năm 2015, 2017 và 2018. Đây là tranh chấp hợp đồng góp hui thuộc thẩm quyền và phạm vi giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS Điều 166, 280, 351, 357, 471 của BLDS năm 2015 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết: Nguyên đơn Đặng Văn Th nộp đơn khởi kiện vào ngày 01/7/2022 yêu cầu bị đơn Trương Văn H, Ngô Thị V phải hoàn trả cho ông Th số tiền hui ông đã góp là 260.000.000 đồng cho ông H, bà V cụ thể như sau:

Dây hui mở ngày 15/5/2015 AL có 24 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, khai hui một năm 03 kỳ. Ông tham gia 01 phần, đã đóng hui sống được 17 kỳ bằng 85.000.000 đồng.

Dây hui mở ngày 10/4/2017 AL có 19 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, một năm khai hui 04 kỳ. Ông tham gia 01 phần, đã đóng hui sống được 15 kỳ với số tiền 75.000.000 đồng.

Dây hui mở ngày 10/7/2018 AL có 17 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, một năm khai hui 04 kỳ. Ông tham gia 02 phần, đã đóng hui sống được 10 kỳ bằng 100.000.000 đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm ông Th (C) thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ đòi ông H, bà V trả lại ông số tiền hui sống ông đã đóng của dây hui thứ nhất mở ngày 15/5/2015 AL là 68.000.000 đồng, dây hui thứ 2 mở ngày 10/4/2017 AL là 60.000.000 đồng, dây hui thứ 3 mở ngày 10/7/2018 AL là 80.000.000 đồng.

Tổng cộng 208.000.000 đồng, trừ số tiền ông H, bà V đã trả 34.000.000 đồng còn lại 174.000.000 đồng và ông Th xin rút lại 01 phần yêu cầu đòi ông H, bà V trả 86.000.000 đồng tiền nợ hui (bút lục số 68).

[5] Bị đơn Trương Văn H trình bày: Ông không tham gia làm chủ hui với bà V. Ông không biết việc ông Th tham gia góp hui cho bà V nên không đồng ý liên đới nghĩa vụ trả nợ cho ông Th.

Án sơ thẩm xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th. Buộc Trương Văn H, Ngô Thị V có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đặng Văn Th 174.000.000 đồng tiền nợ hui.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Đặng Văn Th đòi ông H, bà V liên đới trả 86.000.000 đồng. Không đồng ý với quyết định án sơ thẩm bà V kháng cáo.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị V nhận thấy: Bà V thừa nhận có cho ông Đặng Văn Th (theo danh sách hội viên ghi tên “vợ C”) tham gia 03 dây hội do bà làm chủ hội, ông Th đã đóng hội sống được 208.000.000 đồng thì ngưng do hội bể, sau đó bà có trả cho ông Th 34.000.000 đồng và có giao chiếc xe mô tô hiệu CB 125R do bà đứng tên trị giá 25.000.000 đồng cho ông Th để trừ nợ, do đó bà chỉ đồng ý trả cho ông Th 149.000.000 đồng (bút lục số 68)

[7] Nguyên đơn Đặng Văn Th thừa nhận bà V có giao cho ông chiếc xe mô tô hiệu Honda CB 125R bán dùm giá 25.000.000 đồng, ông Th đã nhận xe của bà V giao từ tháng 8/2021 và hiện nay ông khai đã sang tên cho ông đang quản lý (bút lục số 68). Như vậy xem như ông Th đã chấp nhận mua xe mô tô hiệu Honda CB 125R của bà V giá 25.000.000 đồng nên bà V yêu cầu trừ số tiền này vào số nợ hội mà bà phải trả cho ông Th là phù hợp với quy định của pháp luật nhưng Tòa sơ thẩm không xem xét giải quyết mà nhận định rằng “*quá trình giải quyết các bên không có đơn yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Nếu có tranh chấp sẽ xem xét bằng vụ án khác*” là trái với khoản 2 Điều 92 của BLTTDS. Tại tòa phúc thẩm ông Th đồng ý trừ giá trị chiếc xe mô tô ông đã nhận của bà V là 25.000.000 đồng nên ghi nhận.

[8] Về nghĩa vụ trả nợ tiền hội cho ông Đặng Văn Th như án sơ thẩm buộc là có căn cứ. Bởi ông Trương Văn H là chồng của bà V cùng chung sống với nhau hợp pháp tại nhà ông bà. Bà V xác nhận việc bà làm chủ hội ông H biết nhưng ông không ý kiến hay phản đối. Tiền hoa hồng (đầu thảo) mỗi lần hội viên hốt hội bà được 1.500.000 đồng. Số tiền này bà sử dụng vào việc mua sắm và chi tiêu sinh hoạt trong gia đình (bút lục số 76) nên chiếu theo Điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*1. Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các Điều 24, 25, 26 của Luật này. 2. Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này*”. Do đó ông Trương Văn H phải có nghĩa vụ liên đới với bà V trả nợ hội cho ông Th theo Điều 288 của BLDS năm 2015. Án sơ thẩm xử buộc ông H có nghĩa vụ liên đới với bà V trả tiền hội cho ông Th, nhưng ông H không kháng cáo xem như ông H đã chấp nhận với quyết định của án sơ thẩm.

Từ những phân tích trên nhận thấy yêu cầu kháng cáo của bà V là có cơ sở một phần nên được chấp nhận, sửa một phần quyết định án sơ thẩm. Buộc bà V, ông H trả cho ông Th 149.000.000 đồng tiền hội như đã phân tích.

[9] Về quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản quyền sử dụng đất của ông Trương Văn H nhằm đảm bảo nghĩa vụ thi hành án là có cơ sở nên vẫn giữ nguyên.

[10] Đối với phần yêu cầu khởi kiện ban đầu của ông Th đòi bà V, ông H trả 260.000.000 đồng nhưng được ông Th rút lại tại phiên tòa sơ thẩm còn lại 208.000.000 đồng và trừ vào số tiền 34.000.000 đồng bà V đã trả nên chỉ đòi trả 174.000.000 đồng. Như vậy thực chất phần yêu cầu của ông Th rút lại theo số

liệu thể hiện (260.000.000 đồng – 34.000.000 đồng – 174.000.000 đồng) là 52.000.000 đồng không phải 86.000.000 đồng như Tòa sơ thẩm xác định nên cần sửa chữa lại cho đúng.

[11] Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định tại Điều 147 và 148 BLTTDS.

Xét ý kiến phân tích và đề nghị của đại diện VKS phù hợp với nhận định của Toà án nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 270, 293, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của BLTTDS;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị V. Sửa một phần quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 210/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của TAND huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 5, khoản 2 Điều 26, 147, 148 điểm c khoản 1 Điều 217, 228, 244, 296 của BLTTDS.

Căn cứ vào Điều 166, 280, 288, 351, 357, 471 của BLDS năm 2015. Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006, Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

Căn cứ vào Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 26 và 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khoá 14 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Th (C). Buộc bà Ngô Thị V và ông Trương Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đặng Văn Th 149.000.000 đồng tiền nợ hui.

Kể từ ngày ông Đặng Văn Th có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Ngô Thị V, ông Trương Văn H chậm thi hành án thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của BLTTDS năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Tiếp tục giữ nguyên quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 15/2022/QĐ-BPKCTT ngày 09/8/2022 của TAND huyện C, tỉnh Tiền Giang cho đến khi cơ quan có thẩm quyền thay đổi huỷ bỏ theo quy định của pháp luật.

3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Th đòi bà Ngô Thị V và Trương Văn H liên đới nghĩa vụ trả cho ông Th số tiền 52.000.000 đồng tiền nợ hui.

4. Về án phí:

- Bà Ngô Thị V và ông Trương Văn H phải chịu 7.450.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Ngô Thị V không phải chịu án phí DSPT.

- Trả lại bà V 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010148 ngày 28/9/2022.

- Trả lại ông Th 6.500.000 tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010009 ngày 08/7/2022.

* Cả 2 biên lai đều của Chi cục THADS huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Vân - Võ Ngọc Giàu

Mai Hoàng Khải

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Hoàng Khải